TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST- DS	*T, ngày 25 tháng 5 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Bùi Quỳnh N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Hà Thị D1**, sinh năm 1972 và anh **Sa Văn D2**, sinh năm 1971

Đều ở địa chỉ: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị N và vợ chồng chị D1, anh D2 thống nhất xác nhận chị D và anh Dựng còn nợ chị N số tiền 164.000.000đ (một trăm sáu mươi tư triệu đồng) tiền gốc (theo giấy vay tiền ngày 28/12/2018 Âm lịch và Giấy vay tiền ngày 25/7/2016 Âm lịch). Nay chị N chỉ yêu cầu chị D1, anh D2 trả số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại chị N không yêu cầu chị D1, anh D2 phải trả.

- Chị N không yêu cầu chị D1, anh D2 phải trả tiền lãi trong hạn và quá hạn.

- Về thời hạn trả: Chị D1, anh D2 có trách nhiệm trả cho chị N làm 02 (hai) lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Chị D1, anh D2 trả cho chị N 50.000.000 đ(năm mươi triệu đồng) vào ngày 28/6/2020.

+ Lần 2: Chị D1, anh D2 trả cho chị N 50.000.000 đ(năm mươi triệu đồng) vào ngày 28/7/2020.

- Chị N có trách nhiệm trả cho chị D1, anh D2 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Xa Văn D2, do UBND huyện Th cấp ngày 20/12/1997, tại thửa số: 47, diện tích 2,4ha, mục đích sử dụng: Trồng rừng tại khu B, xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nếu đến thời hạn trả nợ, chị D1, anh D2 không trả nợ cho chị N mà chị N có đơn yêu cầu thi hành án, chị D1, anh D2 còn phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí*:

+ Vợ chồng chị D1, anh D2 phải nộp 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị N phải nộp 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Bùi Quỳnh N đã nộp 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2018/0000810 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan THADS huyện;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai